

Số: 411/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 144/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị T. H, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: 23/16 V1, phường T1 (phường T0, thành phố Thủ Đức cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Dương Q. V, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: 23/2 V1, phường T1 (phường T0, thành phố Thủ Đức cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn V. Đ, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: 23/16 V1, phường T1 (phường T0, thành phố Thủ Đức cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đào Thị K. T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 23/2 V1, phường T1 (phường T0, thành phố Thủ Đức cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bị đơn ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T có trách nhiệm trả lại cho bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ phần đất có diện tích 0,3 m² thuộc một phần thửa 85, 86 tờ bản

đồ 05 (sơ đồ nền) tại phường T0, Quận 2 đã được Ủy ban nhân dân Quận 2 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ ngày 28/7/2004, số vô sổ cấp giấy 1599/2004 nay thuộc một phần thửa 13 tờ bản đồ 21 (theo tài liệu chỉnh lý năm 2025) phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí cụ thể buộc ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T phải trả lại là vị trí (5) thổ cư theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/01/2026, số hợp đồng 10659/TTĐĐBĐ-VPQ2, hiện trạng tỷ lệ: 1/200. Ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T phải trả lại cho bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ phần đất nêu trên ngay khi Quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ có trách nhiệm trả lại cho bị đơn ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T phần đất có diện tích 0,2 m² thuộc một phần thửa 449 tờ bản đồ 21 tại phường T0, Quận 2 nay là phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Quận 2 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T ngày 09/01/2012, số vào sổ cấp GCN: CH01510. Vị trí cụ thể buộc bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ phải trả lại là vị trí (8) thổ cư theo Bản đồ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/01/2026, số hợp đồng 10666/TTĐĐBĐ-VPQ2, hiện trạng tỷ lệ: 1/200. Bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ phải trả lại cho ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T phần đất nêu trên ngay khi Quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và đo vẽ đương sự tự chịu.

- Về án phí:

Bà Văn Thị T. H và ông Nguyễn V. Đ phải chịu 150.000 đồng, bà H tự nguyện chịu, được cản trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E số 0004511 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho bà Văn Thị T. H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông Dương Q. V và bà Đào Thị K. T phải chịu 150.000 đồng, nộp tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Phòng THADS KV2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vi Na